

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC PHỐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày 01/10/2025 của UBND phường Đức Phố)

DVT: Đồng

STT	Đơn vị/Mã QHNS	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	DT năm trước chuyển sang	Dự toán được giao		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng đến ngày 30/6/2025	DT còn lại	Giảm dự toán cấp thị xã mang sang dự toán cấp phường
					Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm				
1	2	3	4	5	6	7	8=5+6+7	9	10=8-9	11=8
1	Trường MN Phổ Vinh (1116807)			278.683.581	4.126.000.000	146.195.000	4.550.878.581	2.037.834.462	2.513.044.119	4.550.878.581
		071	12	-	-	68.123.000	68.123.000	-	68.123.000	68.123.000
		071	13	278.683.581	4.126.000.000	78.072.000	4.482.755.581	2.037.834.462	2.444.921.119	4.482.755.581
2	Trường MN Phổ Minh (1116810)			140.000.000	2.880.000.000	68.577.000	3.088.577.000	1.154.627.872	1.933.949.128	3.088.577.000
		071	12	-	-	29.330.000	29.330.000	20.295.000	9.035.000	29.330.000
		071	13	140.000.000	2.880.000.000	39.247.000	3.059.247.000	1.134.332.872	1.924.914.128	3.059.247.000
3	Trường MN Phổ Ninh (1116801)			97.411.165	4.572.000.000	163.740.000	4.833.151.165	2.434.351.261	2.398.799.904	4.833.151.165
		071	12	-	-	69.423.000	69.423.000	800.000	68.623.000	69.423.000
		071	13	97.411.165	4.572.000.000	94.317.000	4.763.728.165	2.433.551.261	2.330.176.904	4.763.728.165
4	Trường MN Phổ Hoà (1116808)			6.714.720	2.378.000.000	62.875.000	2.447.589.720	1.196.912.084	1.250.677.636	2.447.589.720
		071	12	-	-	34.391.000	34.391.000	3.150.000	31.241.000	34.391.000
		071	13	6.714.720	2.378.000.000	28.484.000	2.413.198.720	1.193.762.084	1.219.436.636	2.413.198.720
5	Trường MN Nguyễn Nghiêm (1116816)			130.000.000	7.435.000.000	710.323.000	8.275.323.000	4.237.542.089	4.037.780.911	8.275.323.000
		071	12	-	-	587.120.000	587.120.000	486.870.000	100.250.000	587.120.000
		071	13	130.000.000	7.435.000.000	123.203.000	7.688.203.000	3.750.672.089	3.937.530.911	7.688.203.000
6	Trường Tiểu học Phổ Vinh (1107892)			84.598.984	5.600.000.000	647.475.000	6.332.073.984	2.769.502.846	3.562.571.138	6.332.073.984
		072	12	-	-	539.897.000	539.897.000	-	539.897.000	539.897.000
		072	13	84.598.984	5.600.000.000	107.578.000	5.792.176.984	2.769.502.846	3.022.674.138	5.792.176.984

STT	Đơn vị/Mã QHNS	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	DT năm trước chuyển sang	Dự toán được giao		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng đến ngày 30/6/2025	DT còn lại	Giảm dự toán cấp thị xã mang sang dự toán cấp phường
					Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm				
1	2	3	4	5	6	7	8=5+6+7	9	10=8-9	11=8
7	Trường Tiểu học Phổ Ninh (1011241)			250.000.000	5.974.000.000	340.008.000	6.564.008.000	2.885.173.052	3.678.834.948	6.564.008.000
		072	12	-	-	192.000.000	192.000.000	-	192.000.000	192.000.000
		072	13	250.000.000	5.974.000.000	148.008.000	6.372.008.000	2.885.173.052	3.486.834.948	6.372.008.000
8	Trường Tiểu học Nguyễn Nghiêm (1009692)			63.104.513	9.702.000.000	851.644.000	10.616.748.513	4.586.128.570	6.030.619.943	10.616.748.513
		072	12	-	-	590.297.000	590.297.000	15.165.000	575.132.000	590.297.000
		072	13	63.104.513	9.702.000.000	261.347.000	10.026.451.513	4.570.963.570	5.455.487.943	10.026.451.513
9	Trường THCS Phổ Ninh (1107907)			-	5.100.000.000	1.149.161.000	6.249.161.000	3.388.834.476	2.860.326.524	6.249.161.000
		072	12	-	-	1.010.620.000	1.010.620.000	794.388.000	216.232.000	1.010.620.000
		072	13	-	5.100.000.000	138.541.000	5.238.541.000	2.594.446.476	2.644.094.524	5.238.541.000
10	Trường THCS Nguyễn Nghiêm (1011441)			335.161.000	8.568.000.000	876.849.000	9.780.010.000	4.088.933.376	5.691.076.624	9.780.010.000
		073	12	-	-	620.860.000	620.860.000	-	620.860.000	620.860.000
		073	13	335.161.000	8.568.000.000	255.989.000	9.159.150.000	4.088.933.376	5.070.216.624	9.159.150.000
11	Trường THCS Phổ Vinh (1107904)			464.791.601	6.083.000.000	284.659.000	6.832.450.601	2.885.923.848	3.946.526.753	6.832.450.601
		073	12	-	-	135.637.000	135.637.000	-	135.637.000	135.637.000
		073	13	464.791.601	6.083.000.000	149.022.000	6.696.813.601	2.885.923.848	3.810.889.753	6.696.813.601
12	Trường TH & THCS Phổ Minh (1107916)			38.306.672	7.023.000.000	1.624.448.000	8.685.754.672	4.367.372.921	4.318.381.751	8.685.754.672
		073	12	-	-	1.366.237.000	1.366.237.000	1.089.110.000	277.127.000	1.366.237.000
		073	13	38.306.672	7.023.000.000	258.211.000	7.319.517.672	3.278.262.921	4.041.254.751	7.319.517.672
13	Trường TH & THCS Phổ Hoà (1107903)			39.865.494	7.772.000.000	594.743.000	8.406.608.494	3.868.115.982	4.538.492.512	8.406.608.494
		073	12	-	-	446.390.000	446.390.000	5.250.000	441.140.000	446.390.000
		073	13	39.865.494	7.772.000.000	148.353.000	7.960.218.494	3.862.865.982	4.097.352.512	7.960.218.494
	Tổng cộng			1.928.637.730	77.213.000.000	7.520.697.000	86.662.334.730	39.901.252.839	46.761.081.891	86.662.334.730

2.433.551.261 XEM LẠI

2.336.140.096

1.193.762.084

1.186.261.084